

DANH MỤC THUỐC ĐƯỢC PHÊ DUYỆT NĂM 2024

STT	MA THUỐC	TÊN HOẠT CHẤT	TÊN THUỐC	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠM LƯỢNG	ĐƯỜNG DÙNG	MA DƯỢC DỤNG	ĐANG BẢO CHẾ	SỐ ĐĂNG KÝ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	ĐƠN GIÁ BH	QUY CÁCH	NHÀ SX	NUOC SX	NHÀ THAU	TT THAU	TU NGAY	ĐẾN NGAY
1	40.540	Clopidogrel	RIDLOR	Viên	75mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	520110030823	118000	1048	1048	Hộp 3 vi x 10 viên	Pharmathen S.A	Greece	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	57/QĐ-TTMS.GI.N1.2022	20220815	
2	40.307	Ethambatul HCl	Ethambatul 400mg	Viên	400mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-20750-14	14400	1300	1300	Hộp 10 vi x 12 viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Inexpharm	Viet Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Inexpharm	159/QĐ-BVPTU.GI.N3.2024	20240131	
3	40.308	Meko INN 300	Meko INN 300	Viên	300mg	Uống	1.01	Viên nén	893110060123	1440	360	360	Hộp 1 chai 100 viên	Công ty cổ phần Hà - Dược phẩm Mekophar	Viet Nam	Công ty cổ phần Hà - Dược phẩm Mekophar	159/QĐ-BVPTU.GI.N4.2024	20240131	
4	40.312	Rifampicin + Isoniazid	Turbe	Viên	150mg + 100mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-20146-13	14400	1748	1748	Hộp 3 vi x 12 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Viet Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	159/QĐ-BVPTU.GI.N3.2024	20240131	
5	45.313	Rifampicin + Isoniazid + Pyrazinamid	Turbezid	Viên	150mg + 75mg + 400mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-26915-17	7200	2798	2798	Hộp 3 vi x 12 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Viet Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	159/QĐ-BVPTU.GI.N3.2024	20240131	
6	40.1	Atropin sulfat	Atropin sulfat	Ống	0,25mg/ml x 1ml	Tiền	2.10	Dung dịch tiêm	VD-24897-16	2400	430	430	Hộp 100 ống x 1ml	CTCP Dược phẩm Vĩnh Phúc	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
7	40.12	Lidocain hydrochlorid	Lidocain-BFS 200mg	Lo	2%/10ml	Tiền	2.10	Dung dịch tiêm	VD-24590-16	100	15000	15000	Hộp 20 lo x 10ml	CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
8	40.12	Lidocain hydrochlorid	Lidocain	Lo	100mg/g x 38g	Phun mũi	5.01	Thuốc phun mũi	VN-20499-17	3	159000	159000	Hộp 1 lo 38g	Egis Pharmaceuticals Plc	Hungary	Công ty cổ phần Dược phẩm Việt Hà	258/QĐ-SYT.GI.N1.2024	20240329	20251231
9	40.13	Lidocain + adrenalin	Lidocain	Ống	36mg + 18mcg/ 1,8ml	Tiền	2.10	Dung dịch tiêm	VD-21404-14	300	4410	4410	Hộp 2 vi x 5 ống x 1,8ml	CTCP Dược phẩm Vĩnh Phúc	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT.GI.N5.2024	20240329	20251231
10	40.16	Morphin hydrochlorid	Morphin (Morphin hydrochlorid 10mg/ml)	Ống	10mg/ml x 1ml	Tiền	2.10	Dung dịch tiêm	893114281823	2100	4500	4500	Hộp 25 ống x 1ml	Chi nhánh CTCP Dược phẩm Trung ương Vaidpha Binh Duong	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
11	40.43	Morphin hydrochlorid	Morphin (Morphin hydrochlorid 10mg/ml)	Ống	10mg/ml x 1ml	Tiền	2.10	Dung dịch tiêm	VD-24315-16	100	4500	4500	Hộp 25 ống x 1ml	Chi nhánh CTCP Dược phẩm Trung ương Vaidpha Binh Duong	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
12	40.21	Propofol	Fresofol 1% MCT/LCT	Ống	10mg/ml x 20ml	Tiền	2.10	Sau uống tiêm nước tiêm	VN-17438-13	250	25290	25290	Hộp 5 ống 20ml	Fresenius Kabi Austria GmbH	Austria	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	258/QĐ-SYT.GI.N1.2024	20240329	20251231
13	40.832	Neostigmin methylsulfat	Vinstigmin	Ống	0,5mg/ml x 1ml	Tiền	2.10	Dung dịch tiêm	VD-30606-18	300	4730	4730	Hộp 1 vi x 10 ống x 1ml	CTCP Dược phẩm Vĩnh Phúc	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
14	40.838	Rocuronium bromid	Rocuronium Kabi 10mg/ml	Lo	10mg/ml x 5ml	Tiền	2.10	Dung dịch tiêm	VN-22745-21	80	47500	47500	Hộp 10 lo x 5ml	Fresenius Kabi Austria GmbH	Austria	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW4	258/QĐ-SYT.GI.N1.2024	20240329	20251231
15	40.838	Rocuronium bromid	Rocuronium-BFS	Ống	10mg/ml x 5ml	Tiền	2.10	Dung dịch tiêm	893114281823	300	41000	41000	Hộp 5 ống x 5ml	CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
16	40.30	Diclofenac	Diclovet	Viên	100mg	Đặt hậu môn	4.02	Viên đạn	VD-20245-13	2000	11800	11800	Hộp 2 vi x 5 viên	CTCP Dược phẩm Sao Kim	Viet Nam	Công ty cổ phần Thương mại dược phẩm và trang thiết bị y tế Thuận Phát	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
17	40.38	Ketoprofen	Ketoprofen EDC DWP 100mg	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén bao tan trong ruột	VD-35224-21	10000	1995	1995	Hộp 6 vi x 10 viên	CTCP Dược phẩm Waelphar	Viet Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Tấn An	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
18	40.41	Meloxicam	Dinacox	Viên	7,5mg	Uống	1.01	Viên nang mềm	VD-26176-17	30000	840	840	Hộp 5 vi x 10 viên	CTCP Dược phẩm Me Di Sun	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương Codapha	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
19	40.41	Meloxicam	Reumacox	Ống	15mg/1,5ml	Tiền	2.10	Dung dịch tiêm	VN-15387-12	600	19000	19000	Hộp 5 ống 1,5ml	Farmak JSC	Ukraine	Công ty cổ phần Dược phẩm Meza	258/QĐ-SYT.GI.N2.2024	20240329	20251231
20	40.41	Meloxicam	Atimocox 15 inj	Ống	15mg/1,5ml	Tiền	2.10	Dung dịch tiêm	893110277723	1600	1785	1785	Hộp 10 ống x 1,5ml	CTCP Dược phẩm An Thuận	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm An Thuận	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
21	40.47	Nefopam hydrochlorid	Nefalon 30mg	Viên	30mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-18368-14	5700	5250	5250	Hộp 2 vi x 10 viên	Medochemie Limited - Central Factory	Cyprus	Công ty TNHH Dược phẩm U.N.I Việt Nam	258/QĐ-SYT.GI.N1.2024	20240329	20251231
22	40.48	Paracetamol	Paracetamol 10mg/ml	Túi	10mg/ml x 100ml	Tiền truyền	2.15	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	VD-33956-19	1400	9198	9198	Túi 100ml	Công ty TNHH Dược phẩm Allomed	Viet Nam	Công ty cổ phần Thương mại dược phẩm Việt	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
23	40.48	Paracetamol	Accepron 80	Gói	80mg	Uống	1.01	Thuốc bột uống	VD-22122-15	8000	295	295	Hộp 20 gói, 100 gói x 1,5g	CTCP Dược phẩm Cao Long	Viet Nam	Công ty TNHH Thương mại và dược phẩm	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
24	40.48	Paracetamol	Para-OPC 150mg	Gói	150mg	Uống	1.01	Thuốc bột sủi bọt	VD-26951-17	20500	744	744	Hộp 12 gói x 640mg	Chi nhánh CTCP Dược phẩm OPC tại Bình Duong - Nhà máy Dược phẩm OPC	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC3	258/QĐ-SYT.GI.N3.2024	20240329	20251231
25	40.48	Paracetamol	Paracetamol 250mg	Gói	250mg	Uống	1.01	Cốm pha bột hỗn dịch uống	VD-32958-19	20000	327	327	Hộp 100 gói x 1,5g	CTCP Dược S. Pharm	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm TV. Pharm	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
26	40.48	Paracetamol	Paramol Tab.	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-23978-15	260000	480	480	Hộp 10 vi x 10 viên	CTCP Dược S. Pharm	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Gia Linh	258/QĐ-SYT.GI.N1.2024	20240329	20251231
27	40.49	Paracetamol + Aspirin	Grati-E	Gói	250mg + 2mg	Uống	1.01	Cốm pha bột uống	VD-28003-17	16000	1000	1000	Hộp 100 gói x 1,5g	CTCP Dược S. Pharm	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm TV. Pharm	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
28	40.59	Allipourin	Sadapron 100	Viên	100mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-20971-18	36000	1750	1750	Hộp 5 vi x 10 viên	Remedica Ltd	Cyprus	Công ty TNHH Dược phẩm Gia Minh	258/QĐ-SYT.GI.N1.2024	20240329	20251231
29	40.67	Alpha chymotrypsin	Alphachymotrypsin	Viên	4,2mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-32047-19	32000	125	125	Hộp 50 vi x 10 viên	CTCP Dược S. Pharm	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm TV. Pharm	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
30	40.82	Desloratadin	Setobio	Ống	0,5mg/ml x 5ml	Uống	1.01	Dung dịch uống	VD-29079-18	2400	1590	1590	Hộp 20 ống x 5ml	CTCP Dược phẩm Phương Đức	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Vincicare	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
31	40.84	Diphenhydramin	Dimedrol	Ống	10mg/ml x 1ml	Tiền	2.10	Dung dịch tiêm	VD-24899-16	3400	470	470	Hộp 100 ống x 1ml	CTCP Dược phẩm Vĩnh Phúc	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
32	40.86	Adrenalin	Adrenalin	Ống	1mg/1ml	Tiền	2.10	Dung dịch tiêm	VD-27151-17	250	1197	1197	Hộp 5 vi x 10 ống x 1ml	CTCP Dược phẩm Vĩnh Phúc	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
33	40.91	Loratadin	Erolin	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-16747-13	3000	1700	1700	Hộp 3 vi x 10 viên	Egis Pharmaceuticals Plc	Hungary	Công ty cổ phần Thương mại dược phẩm và trang thiết bị y tế Thuận Phát	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
34	40.91	Loratadin	Loratadine Savi 10	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-19439-13	8300	274	274	Hộp 3 vi x 10 viên	CTCP Dược phẩm SaVi	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Savi	258/QĐ-SYT.GI.N2.2024	20240329	20251231
35	40.105	Ephedrin	Ephedrine Aguetant 30mg/ml	Ống	30mg/ml x 1ml	Tiền	2.10	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	VN-19221-15	200	57750	57750	Hộp 10 ống x 1ml	Laboatoire Aguetant	France	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC4	258/QĐ-SYT.GI.N1.2024	20240329	20251231
36	40.114	Naloxon hydrochlorid	BFS-Naloxone	Ống	0,4mg/ml x 1ml	Tiền	2.10	Dung dịch tiêm	VD-23379-15	10	29400	29400	Hộp 10 ống x 1ml	CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
37	40.119	Nor-adrenalin	Noradrenalin	Ống	1mg/1ml	Tiền	2.10	Dung dịch tiêm	VD-24002-16	160	22000	22000	Hộp 5 vi x 10 ống x 1ml	CTCP Dược phẩm Vĩnh Phúc	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
38	40.132	Gabapentin	Tebanin 300mg	Viên	300mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VN-17714-14	1000	5000	5000	Hộp 5 vi x 10 viên	Gedeon Richter Plc	Hungary	Công ty cổ phần Dược phẩm Bích Niên	258/QĐ-SYT.GI.N1.2024	20240329	20251231
39	40.136	Phenobarbital	Garonal 10	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-31519-19	800	140	140	Hộp 10 vi x 10 viên	CTCP Dược phẩm Me Di Sun	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
40	40.141	Valproat natri	Epileptan EC 300mg	Viên	300mg	Uống	1.01	Viên nén bao tan trong ruột	893114233823	16000	1344	1344	Hộp 6 vi x 10 viên	CTCP Dược phẩm Tấn An	Viet Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Tấn An	258/QĐ-SYT.GI.N5.2024	20240329	20251231
41	40.141	Valproat natri	Dequaline 200mg	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nén không acid đã được viên nén vào viên nang mềm	VN-21128-18	28000	2479	2479	Hộp 1 lo 40 viên	Samol S.A.	Spain	Công ty cổ phần Dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội	258/QĐ-SYT.GI.N1.2024	20240329	20251231
42	40.141	Valproat natri	Milepep 200	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nén vào viên nang mềm	VD-33912-19	8000	1323	1323	Hộp 3 vi x 3 vi, 10 vi, 20 vi x 10 vi	Công ty cổ phần Vaidpha	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Lan 89	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
43	40.154	Amoxicillin	Mixidamox 250mg/5ml	Lo	50mg/ml x 60ml	Uống	1.01	Bột pha hỗn dịch uống	VD-18316-13	440	26350	26350	Hộp 1 lo 60ml	CTCP Dược phẩm Minh Dân	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Dân	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
44	40.154	Amoxicillin	Moxilin forte 250mg/5ml	Chai	50mg/ml x 60ml	Uống	1.01	Bột pha hỗn dịch uống	VN-17516-13	2400	68000	68000	Hộp 1 chai 60ml	Medochemie Ltd (Factory B) - Oral Facility	Cyprus	Công ty TNHH Dược phẩm U.N.I Việt Nam	258/QĐ-SYT.GI.N1.2024	20240329	20251231
45	40.154	Amoxicillin	Moxacin 500 mg	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-35877-22	120000	1100	1100	Hộp 10 vi, 20 vi x 10 viên	CTCP Xuất nhập khẩu y tế Domesco	Viet Nam	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu y tế Domesco	258/QĐ-SYT.GI.N3.2024	20240329	20251231
46	40.154	Amoxicillin	Phamox IMP 250mg	Gói	250mg	Uống	1.01	Bột pha hỗn dịch uống	VD-31725-19	16000	4500	4500	Hộp 12 gói x 1g	Chi nhánh CTCP Dược phẩm Inexpharm - Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm An Nguyễn	258/QĐ-SYT.GI.N2.2024	20240329	20251231
47	40.158	Ampicilin + sulbactam	Sesitram 1g/0,5g	Lo	1g + 0,5g	Tiền	2.10	Thuốc bột pha tiêm	VD-34844-21	16000	24000	24000	Hộp 10 lo	CTCP Dược phẩm Minh Dân	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Dân	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
48	40.161	Cefaclor	Pyfector Kid	Gói	125mg	Uống	1.01	Thuốc cốm	VD-26427-17	28000	3800	3800	Hộp 24 gói x 2g	Công ty cổ phần Pynepharcho	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Quảng Trị	258/QĐ-SYT.GI.N3.2024	20240329	20251231
49	40.163	Cefalexin	Oralpacees	Lo	50mg/ml x 60ml	Uống	1.01	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	VD-25179-16	2000	24800	24800	Hộp 1 lo chứa 8g (pha vào đủ 60ml)	CTCP Dược phẩm Hà Tây	Viet Nam	Công ty cổ phần Thương mại dược phẩm và trang thiết bị y tế Thuận Phát	258/QĐ-SYT.GI.N4.2024	20240329	20251231
50	40.163	Cefalexin	Cephalexin PMP 500	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-24958-16	40000	1450	1450	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần Pynepharcho	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Quảng Trị	258/QĐ-SYT.GI.N2.2024	20240329	20251231
51	40.166	Cefazolin	Biofazolin	Viên	1g	Tiền	2.10	Bột pha tiêm	VN-20053-16	3000	25000	25000	Hộp 1 lo	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Poland	Công ty cổ phần Dược phẩm Vipharco	258/QĐ-SYT.GI.N1.2024	20240329	20251231
52	40.169	Cefixim	Cefixime 50mg	Gói	50mg	Uống	1.01	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	VD-32525-19	14000	796	796	Hộp 10 gói x 1,4g	CTCP Dược phẩm Minh Dân	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Dân	258/QĐ-SYT.GI.N3.2024	20240329	20251231
53	40.171	Cefeprozox	Cefeprozox 0,5g	Lo	0,5g	Tiền	2.10	Thuốc bột pha tiêm	VD-31708-19	20000	34250	34250	Hộp 10 gói, 10 lo x 0,5g	Chi nhánh 3 - CTCP Dược phẩm Inexpharm tại Bình Duong	Viet Nam	Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Minh Quân	258/QĐ-SYT.GI.N2.2024	20240329	20251231
54	40.177	Cefprozoxim	Ceprozit 200	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-24433-16	18000	19500	19500	Hộp 1 vi x 10 viên	Công ty cổ phần Pynepharcho	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Quảng Trị	258/QĐ-SYT.GI.N1.2024	20240329	20251231
55	40.177	Cefprozoxim	Cebest	Gói	50mg	Uống	1.01												

70	40.229	Levofloxacin	LevoDHG 250	Viên	250mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-21557-14	12000	1020	1020	Hộp 3 vi x 10 viên	CTCP Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy Dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT-GI.N3,2024	20240329	20251231
71	40.235	Oflazoxacin	Menazin 200mg	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-20313-17	3000	3200	3200	Hộp 10 vi x 10 viên	Medchemie Limited - Central Factory	Cyprus	Công ty cổ phần Dược phẩm Meza	258/QĐ-SYT-GI.N1,2024	20240329	20251231
72	40.242	Corrimoxazol 400mg	Corrimoxazol 400mg	Viên	400mg + 80mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-24799-16	6000	219	219	Hộp 20 vi x 20 viên	CTCP Dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Dân	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
73	40.247	Tetracyclin hydrochlorid	Tetracyclin 1%	Tuỳp	1% x 5g	Trà mắt	6.02	Mỏ trà mắt	VD-26395-17	800	3200	3200	Hộp tuýp x 5g	CTCP Dược Medipharmco	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
74	40.260	Aciclovir	Aciclovir 200mg	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-22034-15	10000	404	404	Hộp 10 vi x 10 viên	CTCP Dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Dân	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
75	40.260	Aciclovir	Tuỳp 5% x 5g	Dùng ngoài	3.05	Kem bôi da	3.05	Kem bôi da	VD-24056-16	800	3000	3000	Hộp 1 tuýp 5g	CTCP Dược Medipharmco	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
76	40.295	Miconazol	Micomedil	Tuỳp	2% x 15g	Dùng ngoài	3.05	Kem bôi ngứa da	VN-18018-14	400	60000	60000	Hộp 1 tuýp 15g	Medchemie Ltd (Cophia Facility)	Cyprus	Công ty TNHH Dược phẩm U.N.I Việt Nam	258/QĐ-SYT-GI.N1,2024	20240329	20251231
77	40.301	Nystatin + nystatin + ...	Valygon	Viên	100.000IU + 35.000IU x ...	Đặt âm đạo	4.01	Viên nang mềm	VD-25203-16	3200	3700	3700	Hộp 1 vi x 10 viên	CTCP Dược phẩm Me Di San	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Sông Nhut	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
78	40.412	Alfuzosin	Xantal XL 10mg	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén phòng thích kéo dài	VN-22407-19	400	15291	15291	Hộp 1 vi x 30 viên	Sanofi Winthong Industrie	France	Công ty cổ phần Dược phẩm thuốc ty y tế Hà Nội	258/QĐ-SYT-GI.N1,2024	20240329	20251231
79	40.436	Sulfat + acid folic	Pymeferon B9	Viên	50mg + 0,35mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-25896-16	3500	890	890	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty cổ phần Pymeferon	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Quảng Trị	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
80	40.451	Tramexamic acid	Cammic 1g	Ông	1g/10ml	Tiêm	2.10	Dùng dịch tiêm	VD-34305-20	800	24000	24000	Hộp 10 vi x 5 ống x 10ml	CTCP Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
81	40.451	Tramexamic acid	Cammic	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén dài bao phim	VD-17592-12	3000	1500	1500	Hộp 10 vi x 5 viên	CTCP Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
82	40.451	Tramexamic acid	BFS-Tramexamic 500mg 10ml	Ông	500mg/10ml	Tiêm	2.10	Dùng dịch tiêm	VD-24750-16	700	14000	14000	Hộp 20 ống x 10ml	CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
83	40.480	Nicorandil	Nikoranyl 5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-30393-18	26000	3000	3000	Hộp 3 vi x 10 viên	CTCP Dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Công ty cổ phần Thương mại dược phẩm và trang thiết bị y tế Thuận Phát	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
84	40.480	Nicorandil	Pecrandil 5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-25180-16	90000	1953	1953	Hộp 6 vi x 10 viên	CTCP Dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Stabled	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
85	40.481	Trimetazidin	Triptoml MR	Viên	35mg	Uống	1.01	Viên nén giải phóng chậm	590110080523	3000	2600	2600	Hộp 6 vi x 10 viên	Polifarmex S.A.	Poland	Công ty TNHH Dược phẩm Gia Minh	258/QĐ-SYT-GI.N1,2024	20240329	20251231
86	40.481	Trimetazidin	Metazedyna	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-21630-18	24000	1800	1800	Hộp 2 vi x 30 viên	Adamet Pharma S.A.	Poland	Công ty cổ phần Thương mại DH Việt Nam	258/QĐ-SYT-GI.N1,2024	20240329	20251231
87	40.483	Amiodaron hydrochlorid	Cordacore	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-16722-13	1500	6750	6750	Hộp 2 vi x 15 viên	Sanofi Winthong Industrie	France	Công ty cổ phần Dược phẩm thuốc ty y tế Hà Nội	258/QĐ-SYT-GI.N1,2024	20240329	20251231
88	40.491	Amiodipin	Kavadin 5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-20761-14	100000	105	105	Hộp 10 vi x 10 viên	CTCP Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Công ty TNHH Benephur	258/QĐ-SYT-GI.N3,2024	20240329	20251231
89	40.491	Amiodipin	Aptimol 10	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-35086-22	100000	304	304	Hộp 3 vi x 10 viên	CTCP Dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy Dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT-GI.N3,2024	20240329	20251231
90	40.30.495	Amiodipin + atorvastatin	Amoripin Duo	Viên	5mg + 10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-20018-18	20000	3900	3900	Hộp 10 vi x 10 viên	Calbia Pharmaceuticals Limited	India	Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Miền Bắc	258/QĐ-SYT-GI.N3,2024	20240329	20251231
91	40.30.508	Glaxozin 10mg	Glaxozin Plus R/12,5 mg	Viên	8mg + 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén	893110359623	200000	2902	2902	Hộp 3 vi x 10 viên, vi Alu-Alu	Công ty TNHH DRP Inter	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Tân An	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
92	40.30.510	Capozitil + hydrochlorothiazid	Capazitil 25/25	Viên	25mg + 25mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-32937-19	100000	1450	1450	Hộp 6 vi x 10 viên	CTCP Dược phẩm Thipharco	Việt Nam	Liên Danh Phương Linh - An Nguyễn	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
93	40.30.516	Enalapril + hydrochlorothiazid	Enalapril HCT 10/12,5	Viên	10mg + 25mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-34005-20	140000	3500	3500	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty TNHH liên doanh Steattigham - Chi nhánh 1	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược Medibios Miền Bắc	258/QĐ-SYT-GI.N2,2024	20240329	20251231
94	40.30.516	Enalapril + hydrochlorothiazid	Enalapril HCT 10/12,5	Viên	10mg + 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-35391-21	140000	3500	3500	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty TNHH liên doanh Steattigham - Chi nhánh 1	Việt Nam	Công ty cổ phần Kinh doanh thương mại Tân Trường Sinh	258/QĐ-SYT-GI.N2,2024	20240329	20251231
95	40.513	Losartan + hydrochlorothiazid	Sastan-H	Viên	25mg + 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-21987-19	360000	2504	2504	Hộp 3 vi x 10 viên	Sai Mira Innopharm Pvt. Ltd.,	India	Công ty cổ phần Dầu tư quốc tế Việt A	258/QĐ-SYT-GI.N5,2024	20240329	20251231
96	40.521	Amlesia 4mg 10mg Tablets	Amlesia 4mg + 10mg	Viên	4mg + 10mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-22311-19	10000	5680	5680	Hộp 3 vi x 10 viên	KRKA, dd., Novo Mesto	Slovenia	Công ty cổ phần Dược phẩm Văn Lâm	258/QĐ-SYT-GI.N1,2024	20240329	20251231
97	40.523	Qinapril 10mg	Pesavil 10mg	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-32827-19	25000	1995	1995	Hộp 6 vi x 10 viên	CTCP Dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Tân An	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
98	40.524	Ramipril	Ramipril Cap DWP 2,5mg	Viên	2,5mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893110359623	103000	2268	2268	Hộp 6 vi x 10 viên	CTCP Dược phẩm Vapharma	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Tân An	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
99	40.527	telmisartan + hydrochlorothiazid	Midibel HCT	Viên	40mg + 12,5mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-30848-18	372000	4200	4200	Hộp 2 vi x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm TASC - Vietnam	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Tân An	258/QĐ-SYT-GI.N3,2024	20240329	20251231
100	40.530	Hepatinol hydrochlorid	Hepatinol 187,8 mg	Viên	187,8mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-32281-19	400	1080	1080	Hộp 2 vi x 10 viên	CTCP Xuất nhập khẩu y tế Domescio	Việt Nam	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu y tế Domescio	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
101	40.550	Bezafibrate	Zafalar	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-19248-15	20000	4500	4500	Hộp 5 vi x 10 viên	Medchemie Limited - Central Factory	Cyprus	Công ty cổ phần Dược phẩm Bách Niên	258/QĐ-SYT-GI.N1,2024	20240329	20251231
102	40.553	Fenofibrate	TV-Fenofibrate	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-19502-13	40000	390	390	Hộp 3 vi x 10 viên	CTCP Dược phẩm TV Pharm	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm TV Pharm	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
103	40.556	Losartatin	Losartatin DWP 10mg	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-35744-22	250000	1218	1218	Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Stabled	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Stabled	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
104	40.557	Pravastatin	Pravastatin DWP 30mg	Viên	30mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-35225-21	20000	2499	2499	Hộp 6 vi x 10 viên	CTCP Dược phẩm Vapharm	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Tân An	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
105	40.623	Salicylic acid + betamethason dipropionat	Bidolacil	Tuỳp	30mg/g + 0,64mg/g; 15g	Dùng ngoài	3.05	Thuốc mỡ bôi da	VD-34145-20	840	13965	13965	Hộp 1 tuýp 15g	CTCP Dược phẩm Biopharmacia USA - Chi nhánh Long An	Việt Nam	Công ty TNHH Thương mại và dược phẩm Hoàng Lan	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
106	40.656	Furosemid	PVP - Fudine 10%	Lo	2,5g/25ml x 80ml	Dùng ngoài	3.05	Dùng dịch dùng ngoài	893100267423	1500	13800	13800	Hộp 1 lo 80ml	CTCP Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Đức Phúc	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
107	40.659	Furosemid	Takdist	Ông	20mg/2ml	Tiêm	2.10	Dùng dịch tiêm	VD-34815-20	5000	620	620	Hộp 20 ống x 2ml	CTCP Dược VITYT Hải Dương	Việt Nam	Công ty cổ phần Vapharma	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
108	40.659	Furosemid	Vinzix	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nén	893110306023	14300	110	110	Hộp 5 vi x 50 viên	CTCP Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
109	40.659	Furosemid	Vinzix 40mg	Ông	40mg/4ml	Tiêm	2.10	Dùng dịch tiêm	VD-34795-20	3000	9450	9450	Hộp 10 vi x 5 ống x 4ml	CTCP Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
110	40.663	atropinip meremoren neaz hóa + hỗn hợp magesi + ...	Malagti	Gói	2,5g + 0,5g	Uống	1.01	Bột pha hỗn dịch uống	VD-26824-17	11400	1953	1953	Hộp 30 gói x 3,3g	CTCP Dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Stabled	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
111	40.666	Famotidin	Famogest	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-20054-16	8000	2000	2000	Hộp 2 vi x 10 viên	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Poland	Công ty cổ phần Dược phẩm Văn Lâm	258/QĐ-SYT-GI.N1,2024	20240329	20251231
112	40.671	Amisipin 300mg + 30mg	Collective Fort	Gói	400mg + 30mg x 30mg	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	VD-32408-19	10000	2900	2900	Hộp 30 gói x 10ml	Công ty TNHH Liên doanh TASC - Vietnam	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Vincicare	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
113	40.671	Amisipin 300mg + 30mg	Paigeli	Gói	400mg + 30mg x 30mg	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	VD-34623-20	15000	3100	3100	Hộp 20 gói, 30 gói, 50 gói x 10ml	CTCP Dược Animed	Việt Nam	Công ty TNHH Benephur	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
114	40.690	Meroclopramid	Vincomid	Ông	10mg/2ml	Tiêm	2.10	Dùng dịch tiêm	VD-21919-14	400	1010	1010	Hộp 2 vi x 5 ống x 2ml	CTCP Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
115	40.697	Dronavein hydrochlorid	Vingap	Ông	40mg/2ml	Tiêm	2.10	Dùng dịch tiêm	VD-18008-12	500	2200	2200	Hộp 2 vi x 5 ống x 2ml	CTCP Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
116	40.697	Dronavein hydrochlorid	Dronac	Viên	40mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-25197-16	24000	567	567	Hộp 10 vi x 10 viên	CTCP Dược phẩm Me Di San	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Tân An	258/QĐ-SYT-GI.N3,2024	20240329	20251231
117	40.697	Dronavein hydrochlorid	Dronac Forte	Viên	80mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-24789-16	35000	1029	1029	Hộp 10 vi x 10 viên	CTCP Dược phẩm Me Di San	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Stabled	258/QĐ-SYT-GI.N3,2024	20240329	20251231
118	40.701	Prostaglandin nystat + ...	Atigluacolin inj	Ông	40mg + 0,04mg; 4ml	Tiêm	2.10	Dùng dịch tiêm	VD-25642-16	5400	28000	28000	Hộp 5 ống, 10 ống, 20 ống x 4ml	CTCP Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Công ty cổ phần TMDV Thăng Long	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
119	40.707	Glycerol	Sigipol	Tuỳp	6,75g/9g	Thụt	4.06	Gel thụt trực tràng	VD-21083-14	700	6930	6930	Hộp 6 tuýp x 9g	CTCP Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
120	40.718	Bacillus subtilis	Domovar	Ông	2x10^9 CFU/5ml	Uống	1.01	Hỗn dịch uống	89340090523	4800	5250	5250	Hộp 40 ống x 5ml	CTCP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
121	40.718	Bacillus subtilis	Biosubtyl-II	Viên	10^7-10^9 CFU/ 250mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	QLSP-856-15	800	1500	1500	Hộp 10 vi x 10 viên	CTCP Việc sản và Sản phẩm Nua Trang - Công ty liên doanh nước ngoài	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương Codapha	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
122	40.726	Lactobacillus acidophilus	Andonbio	Gói	10^9CFU (75mg)	Uống	1.01	Thuốc bột uống	VD-20517-14	48000	1195	1195	Hộp 50 gói x 1g	Viet Nam	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Meza	258/QĐ-SYT-GI.N4,2024	20240329	20251231
123	40.766	Dexamethason phosphat	Dexacan	Ông	4mg/ml x 1ml	Tiêm	2.10	Dùng dịch tiêm	VN-21897-19	160	24000	24000	Hộp 10 ống 1ml	Rampharm Company S.r.l	Romania	Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Miền Bắc	258/QĐ-SYT-GI.N1,2024	20240329	20251231
124	40.775	Methyl prednisolon	Methylsolon 16	Viên	16mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-22238-15	8000	757	757	Hộp 2 vi x 10 viên	CTCP Dược phẩm TV Pharm	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm TV Pharm	258/QĐ-SYT-GI.N3,2024	20240329	20251231
125	40.775	Methyl																	

146	40.685	Acetyl leucin	Stadrecin	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén	893100338823	20000	2200	2200	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH liên doanh Steptanum- Cui	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Gia Linh	258/QĐ-SYT-GI.N2.2024	20240329	20251231
147	40.685	Acetyl leucin	Vintanol 1000	Ông	1000mg/10ml	Tiền	2.10	Dạng dịch tiêm	VD-27160-17	4000	24000	24000	Hộp 10 vi x 5 ống x 10ml	CTCP Dược phẩm Vĩnh Phúc	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT-GI.N4.2024	20240329	20251231
148	40.685	Acetyl leucin	Zentanol 500mg/5ml	Lo	500mg/5ml	Tiền	2.10	Dạng dịch tiêm	VD-33432-19	3200	12600	12600	Hộp 10 lo x lo 5ml	CTCP Dược phẩm CCI Hà Nội	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm CCI Hà Nội	258/QĐ-SYT-GI.N4.2024	20240329	20251231
149	40.563	Citicolic	Somazina 500mg	Ông	500mg/4ml	Tiền	2.10	Dạng dịch tiêm	VN-18764-15	240	53195	53195	Hộp 5 ống 4ml	Ferrer Internacional, SA	Spain	Công ty cổ phần Dược phẩm Việt Hà	258/QĐ-SYT-GI.N1.2024	20240329	20251231
150	40.580	Vincopren	Cavinton	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	VN-20508-17	4000	2600	2600	Hộp 2 vi x 25 viên	Gedeon Richter Pte.	Hungary	Công ty cổ phần Dược phẩm Bến Tre	258/QĐ-SYT-GI.N1.2024	20240329	20251231
151	40.971	Amisophyllin	Diaphyllin Venosum	Ông	4,8% x 5ml	Tiền	2.10	Dạng dịch thuốc tiêm	VN-19054-16	80	17500	17500	Hộp 5 ống 5ml	Gedeon Richter Pte.	Hungary	Công ty cổ phần Dược phẩm Bến Tre	258/QĐ-SYT-GI.N1.2024	20240329	20251231
152	40.972	Rambutorol	Rambutorol 20 A.T	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VN-36137-20	5500	1015	1015	Hộp 6 vi x 10 viên	CTCP Dược phẩm An Thuận	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm An Thuận	258/QĐ-SYT-GI.N4.2024	20240329	20251231
153	40.980	Salbutamol sulfate	Zenobal rebales 2.3	Ông	2.5mg/2.5ml	Đường hô hấp	5.06	Dạng dịch dùng cho khí dung	VD-21533-14	8000	4410	4410	Hộp 10 ống x 2.5ml	CTCP Dược phẩm CCI Hà Nội	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm CCI Hà Nội	258/QĐ-SYT-GI.N4.2024	20240329	20251231
154	40.980	Salbutamol sulfate	Viasolal 5	Ông	5mg/2.5ml	Đường hô hấp	5.06	Dạng dịch dùng cho khí dung	89311305923	2400	8400	8400	Hộp 5 vi x 10 ống x 2.5ml	CTCP Dược phẩm Vĩnh Phúc	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT-GI.N4.2024	20240329	20251231
155	40.980	Salbutamol sulfate	Buto-Ama	Bình	100 mcg/liều x 200 liều	Đường hô hấp	5.06	Khi dùng đã chứa liều	VN-16442-13	230	50300	50300	Hộp 1 bình xịt chứa 200 liều	Laboratorio Aldo-Union SL	Spain	Công ty cổ phần Dược phẩm thuốc ty y tế Hà Nội	258/QĐ-SYT-GI.N1.2024	20240329	20251231
156	40.981	Salbutamol + ipratropium sameterol + tiotropium	Zencombi	Lo	2.5mg + 0.5mg + 2.5ml x 20mg x 20mg x 20mg	Đường hô hấp	5.05	Dạng dịch dùng cho khí dung	VD-26776-17	100	12600	12600	Hộp 10 lo x 2.5ml	CTCP Dược phẩm CCI Hà Nội	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm CCI Hà Nội	258/QĐ-SYT-GI.N4.2024	20240329	20251231
157	40.982	Terbutalin sulfate	Combiwave SF 250	Bình	250mg	Đường hít	5.02	Mũi hít	VN-18898-15	900	91000	91000	Hộp 1 bình 120 liều	Glennmark Pharmaceuticals Limited	India	Công ty cổ phần Dược phẩm thuốc ty y tế Hà Nội	258/QĐ-SYT-GI.N2.2024	20240329	20251231
158	40.983	Terbutalin sulfate	Artemus	Lo	1mg/ml x 1ml	Tiền	2.10	Dạng dịch tiêm	89311081023	800	19950	19950	Hộp 10 lo x 1ml	CTCP Dược phẩm CCI Hà Nội	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm CCI Hà Nội	258/QĐ-SYT-GI.N4.2024	20240329	20251231
159	40.988	Ambroxol	Ambroxol	Chai	15mg/5ml x 100ml	Uống	1.01	Siro	VD-21200-14	1700	24800	24800	Hộp 1 chai 100ml	CTCP Dược Danapha	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT-GI.N4.2024	20240329	20251231
160	40.989	Bromhexin hydrochlorid	Antesius	Gói	4mg	Uống	1.01	Thảo cầm pha hỗn dịch uống	VD-32241-19	20000	3400	3400	Hộp 30 gói x 3g	CTCP Hòa Dược Việt Nam	Viet Nam	Công ty TNHH Một thành viên Dược Sài Gòn	258/QĐ-SYT-GI.N4.2024	20240329	20251231
161	40.989	Bromhexin hydrochlorid	Agli-Bromhexine 16	Viên	16mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-30270-18	47000	630	630	Hộp 3 vi x 10 viên	Chi nhánh CTCP Dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy SX được phẩm Agimexpharm	Viet Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Tân An	258/QĐ-SYT-GI.N4.2024	20240329	20251231
162	40.990	Carbocistein	Ausmeco 750V	Viên	750mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-31668-19	32000	2449	2449	Hộp 2 vi x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Stablad	Viet Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Tân An	258/QĐ-SYT-GI.N4.2024	20240329	20251231
163	40.1007	Magnesi aspartat + kali	Dipartate	Viên	140mg + 150mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-26641-17	700	966	966	Hộp 5 vi x 10 viên	Công ty TNHH MTV Dược phẩm TSU	Viet Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Stablad	258/QĐ-SYT-GI.N4.2024	20240329	20251231
164	40.1009	Natri citrat + natri citrat + natri citrat + natri citrat	Oceol hươu cam	Gói	0,7g + 0,3g + 0,58g + 4g	Uống	1.01	Thuốc bột	VD-30671-18	3000	1700	1700	Hộp 40 gói x 5,6g	CTCP Hòa Dược Việt Nam	Viet Nam	Công ty cổ phần Vadpharma	258/QĐ-SYT-GI.N4.2024	20240329	20251231
165	40.1011	Acid amin	Nephgard	Túi	5,4% x 250ml	Tiền truyền	2.15	Dạng dịch tiêm truyền	VN-21299-18	100	103000	103000	Thùng 10 túi x 250ml	JW Life Science Corporation	Korea	Công ty Dược phẩm và vật tư y tế Phương Anh	258/QĐ-SYT-GI.N2.2024	20240329	20251231
166	40.1014	Calc clorid	Calc clorid 500mg/ 5ml	Ông	500mg/5ml	Tiền	2.10	Dạng dịch tiêm	VD-22935-15	100	838	838	Hộp 50 ống x 5ml	CTCP Dược phẩm Minh Dân	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Dân	258/QĐ-SYT-GI.N4.2024	20240329	20251231
167	40.1015	Glucose	Glucose 5%	Chai	5% x 500ml	Tiền truyền	2.15	Dạng dịch tiêm truyền tĩnh	VD-35954-22	5000	7350	7350	Chai 500ml	Công ty cổ phần IVC	Viet Nam	Công ty cổ phần IVC	258/QĐ-SYT-GI.N4.2024	20240329	20251231
168	40.1015	Glucose	Glucose 10%	Chai	10% x 500ml	Tiền truyền	2.15	Dạng dịch tiêm truyền tĩnh	VD-35953-22	30	8715	8715	Chai 500ml	Công ty cổ phần IVC	Viet Nam	Công ty cổ phần IVC	258/QĐ-SYT-GI.N4.2024	20240329	20251231
169	40.567	Kali clorid 10%	Kali clorid 10%	Ông	10% x 10ml	Tiền truyền	2.15	Dạng dịch tiêm	89310375223	20	1678	1678	Hộp 10 vi x 5 ống x 10ml	CTCP Dược phẩm Vĩnh Phúc	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT-GI.N4.2024	20240329	20251231
170	40.1018	Magnesi sulfate	Magnesi-BFS 15%	Ông	750mg/5ml	Tiền	2.10	Dạng dịch tiêm	VD-22894-15	50	3700	3700	Hộp 50 ống x 5ml	CTCP Dược phẩm CCI Hà Nội	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm CCI Hà Nội	258/QĐ-SYT-GI.N4.2024	20240329	20251231
171	40.1021	Natri clorid	Natri clorid 0,9%	Chai	0,9% x 500ml	Tiền truyền	2.15	Dạng dịch tiêm truyền	89311009023	16000	6180	6180	Thùng 20 chai nhớt 500ml	CTCP Fresenius-Kain Việt Nam	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT-GI.N4.2024	20240329	20251231
172	40.1026	Ringer lactat	Lactated Ringer's	Chai	500ml	Tiền truyền	2.15	Dạng dịch tiêm truyền	893110118323	6000	6300	6300	Thùng 20 chai x 500ml	CTCP Kỹ thuật dược Bình Định	Viet Nam	Công ty cổ phần Thương mại Dược phẩm Hưng	258/QĐ-SYT-GI.N4.2024	20240329	20251231
173	40.1028	Nước cất pha tiêm	Nước cất pha tiêm 5ml	Ông	5ml	Tiền	2.10	Dạng dịch pha tiêm	VD-18637-13	120000	433	433	Hộp 50 ống x 5ml	CTCP Dược phẩm Trung ương 2	Viet Nam	Công ty TNHH Một thành viên Dược Sài Gòn	258/QĐ-SYT-GI.N4.2024	20240329	20251231
174	40.1032	Calcitonin	Calcitonin 500 ng	Viên	300mg + 2,940mg	Uống	1.01	Viên nén sát bột	VD-27518-17	1800	3500	3500	Hộp 1 hộp x 20 viên	Công ty TNHH liên doanh Steptanum- Cui	Viet Nam	Công ty cổ phần Goma	258/QĐ-SYT-GI.N2.2024	20240329	20251231
175	40.1033	Calc carbonate + vitamin D3	Meza-Calc D3	Viên	750mg + 200IU	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-31110-18	2000	819	819	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH Dược phẩm Tân An	Viet Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Tân An	258/QĐ-SYT-GI.N4.2024	20240329	20251231
176	40.1050	Vitamin B1 + B6 + B12	Vitamin B3-PV	Viên	100mg + 50mg + 0,5mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-29922-18	26000	1150	1150	Hộp 10 vi x 10 viên	CTCP Dược phẩm Vĩnh	Viet Nam	Công ty cổ phần Thương mại DH Việt Nam	258/QĐ-SYT-GI.N4.2024	20240329	20251231
177	40.1050	Vitamin B1 + B6 + B12	Dubemine injection	Ông	100mg + 100mg + 11mg	Uống	2.10	Dạng dịch tiêm	VN-20721-17	2000	13260	13260	Hộp 1 vi x 5 ống x 3ml	Incepta Pharmaceuticals Limited	Bangladesh	Công ty cổ phần Vadpharma	258/QĐ-SYT-GI.N5.2024	20240329	20251231
178	40.1050	Vitamin B1 + B6 + B12	Scamuron	Viên	100mg + 200mg	Tiền	2.10	Viên nén bao phim	89310332423	80000	1100	1100	Hộp 10 vi x 10 viên	Công ty TNHH liên doanh Steptanum- Cui	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Gia Linh	258/QĐ-SYT-GI.N2.2024	20240329	20251231
179	40.1050	Vitamin B1 + B6 + B12	Milgamma N	Ông	750mg + 100mg + 11mg	Tiền	2.10	Dạng dịch tiêm	400100083323	4000	21000	21000	Hộp 5 ống x 2ml	Solapharm Pharmaceutische Erzeugnisse GmbH	Germany	Công ty cổ phần TMDV Thăng Long	258/QĐ-SYT-GI.N1.2024	20240329	20251231
180	40.1060	Vitamin D3	Balo B.O.N	Chai	1.000IU/ml x 12ml	Uống	1.01	Dạng dịch uống	VD-24822-16	110	37000	37000	Hộp 1 chai 12ml	CTCP Dược phẩm OPV	Viet Nam	Công ty TNHH Dược phẩm U.N.I Việt Nam	258/QĐ-SYT-GI.N4.2024	20240329	20251231
181	05C.206	Vitamin D3	Xoangpravy	Chai	250mg + 4mg + 3mg + 1.000IU/ml x 12ml	Xịt mũi	3.05	Dạng dịch xịt mũi	VD-20945-14	400	35000	35000	Chai nhũ 200ml	CTCP Dược Nature Việt Nam	Viet Nam	Công ty cổ phần Goma	258/QĐ-SYT-GI.N3.2024	20240329	20251231
182	40.306	Metformin	Trichopol	Túi	500mg/100ml	Tiền truyền	2.15	Dạng dịch tiêm truyền tĩnh	VN-18045-14	1200	16800	16800	1 túi 100ml	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Poland	Công ty cổ phần Dược phẩm thuốc ty y tế Hà Nội	258/QĐ-SYT-GI.N1.2024	20240329	20251231
183	05C.4.2	Tiêu hóa, Kinh nguyệt, Trẻ em	Cam côm Báo Phụng	Lo	60ml: 8g + 8g + 12g + 12g + 8g + 4g	Uống	1.01	Caolín	V332-4112-13	1200	29400	29400	Hộp 1 lọ x 60ml	CSSX thuốc YHCT Bô Phụng	Viet Nam	Công ty cổ phần APP Gia Vĩnh	258/QĐ-SYT-GI.G3.N3.2024	20240329	20251231
184	05C.5	Trẻ em, Kinh nguyệt, Trẻ em	Hương thơm, Quả chi, Sinh	Gói	600mg + 700mg + 600mg + 100mg + 25mg + 25mg	Uống	1.01	Thuốc cốm	VD-31256-18	35000	2770	2770	Hộp 20 gói x 2g	CTCP Dược phẩm Yên Bái	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Bến Tre	258/QĐ-SYT-GI.G3.N3.2024	20240329	20251231
185	05C.8.9	Trẻ em, Kinh nguyệt, Trẻ em	Bogaine	Viên	85mg + 64mg + 6,4mg	Uống	1.01	Viên bao phim	VD-19790-13	20000	650	650	Hộp 5 vi x 20 viên	CTCP Công nghệ Cao Thaphaco	Viet Nam	Công ty cổ phần Thaphaco	258/QĐ-SYT-GI.G3.N3.2024	20240329	20251231
186	05C.22	Đặc biệt, Trẻ em, Trẻ em	Bá gan P/H	Viên	125mg + 100mg + 25mg	Uống	1.01	Viên nén bao đường	VD-24998-16	100000	610	610	Hộp 5 vi x 20 viên	Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng	Viet Nam	Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng	258/QĐ-SYT-GI.G3.N3.2024	20240329	20251231
187	05C.23	Bình can	Bình can	Viên	2g + 1g + 2g	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-32521-19	40000	1365	1365	Hộp 5 vi x 10 viên	CTCP Dược phẩm Me Di Sơn	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Sông Nhé	258/QĐ-SYT-GI.G3.N3.2024	20240329	20251231
188	05C.36	Nhiễm trùng, Hấp phụ, Hấp phụ	Bài thuốc Danapha	Viên	250mg + 100mg + 150mg + 500mg + 250mg + 250mg + 20mg + 13mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-19811-13	25000	600	600	Hộp 5 vi x 10 viên	CTCP Dược Danapha	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT-GI.G3.N3.2024	20240329	20251231
189	05C.72	Phong thấp vương	Phong thấp vương	Viên	250mg + 100mg + 150mg + 500mg + 250mg + 250mg + 20mg + 13mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-31792-19	35000	1500	1500	Hộp 5 vi x 12 viên	CTCP Dược phẩm Nam Hà	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Nam Hà	258/QĐ-SYT-GI.G3.N3.2024	20240329	20251231
190	05C.76.1	Phong thấp vương	Phong thấp vương	Viên	250mg + 100mg + 150mg + 500mg + 250mg + 250mg + 20mg + 13mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-26327-17	35000	2000	2000	Hộp 1 túi x 3 vi x 10 viên	CTCP Dược phẩm Yên Bái	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Bến Tre	258/QĐ-SYT-GI.G3.N3.2024	20240329	20251231
191	05C.80	Hoàng đing, Hôi son, Trĩn b, Hoàng liên, Bạch liên, Sa	Đại tràng bạch P/H	Gói	400mg + 420mg + 250mg + 540mg + 350mg + 250mg + 250mg + 250mg + 250mg	Uống	1.01	Hoàn cứng	VD-25946-16	15000	4000	4000	Hộp 10 gói x 4g	Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng	Viet Nam	Công ty TNHH Đông dược Phúc Hưng	258/QĐ-SYT-GI.G3.N3.2024	20240329	20251231
192	05C.95	Foliat de duy	Foliat de duy	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-29242-18	26000	1700	1700	Hộp 10 vi x 10 viên	CTCP Dược phẩm Yên Bái	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Bến Tre	258/QĐ-SYT-GI.G3.N3.2024	20240329	20251231
193	05C.117	Cao Bô Tinh mĩ hoàng cung	Cao Bô Tinh mĩ hoàng cung	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-24854-16	1600	4900	4900	Hộp 5 túi nhón x 2 vi x 10 viên	CTCP Dược phẩm Thiên Dược	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Vincare	258/QĐ-SYT-GI.G3.N3.2024	20240329	20251231
194	05C.127.2	Tuần hoàn não Thái Dương	Tuần hoàn não Thái Dương	Viên	200mg + 13mg + 83mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-27326-17	60000	2916	2916	Hộp 2 vi x 6 viên	Chi nhánh CTCP Sao Thái Dương tại Hà Nam	Viet Nam	Công ty TNHH Một thành viên Dược Sài Gòn	258/QĐ-SYT-GI.G3.N3.2024	20240329	20251231
195	05C.131	Chẩn đoán, Chẩn đoán, Chẩn đoán	Chẩn đoán	Viên	91,25mg + 91,25mg + 91,25mg	Uống	1.01	Viên nén bao đường	VD-22740-15	20000	500	500	Hộp 1 lọ x 100 viên	CTCP Dược Danapha	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT-GI.G3.N3.2024	20240329	20251231
196	05C.149	Thuốc ho thảo dược	Thuốc ho thảo dược	Chai	100ml: 6g + 10g + 10g + 10g + 8g + 8g + 10g	Uống	1.01	Siro	VD-33196-19	5000	19500	19500	Hộp 1 chai 100ml + 1 cốc chia liều	CTCP Dược phẩm Yên Bái	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Bến Tre	258/QĐ-SYT-GI.G3.N3.2024	20240329	20251231
197	05C.150	Hàng chằng, Núc nức, Cineol	Hoates	Chai	90ml: 45g + 11,25g + 81,7mg	Uống	1.01	Siro	VD-25220-16	3000	33075	33075	Hộp 1 chai x 90ml	Chi nhánh CTCP Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CP1	258/QĐ-SYT-GI.G3.N3.2024	20240329	20251231
198	05C.173	Bột bột hoa di	Mediphalamin	Viên	250mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	VD-24351-16	70000	1900	1900	Hộp 10 vi x 10 viên	CTCP Dược trung ương Mediphalamin	Viet Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Miền Bắc	258/QĐ-SYT-GI.G3.N3.2024	20240329	20251231

213	40.6	Fentanyl	Fenilam	Ống	0,1mg/ 2ml	Tiêm	2.10	Dung dịch tiêm	VN-17888-14	150	14300	14300	Hộp 10 ống	Siegfried Hameln	Đức	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương Codapha	281/QĐ-TT-YT.G1.N1;2024	20240730	20251231
214	40.4	Diazepam	Diazepam 10mg/2ml	Ống	10mg	Tiêm	2.10	Dung dịch tiêm	VD-25308-16	350	5250	5250	Hộp 10 ống	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidapha Bình Dương	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	281/QĐ-TT-YT.G1.N4;2024	20240730	20251231
215	40.989	Bromhexin hydrochlorid	Agli-Bromhexine 16	Viên	16mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893110200724	47000	630	630	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Chi nhánh CTCP Dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy SX dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Tân An	258/QĐ-SYT.G1.N4;2024	20240329	20251231
216	40.1028	Nước cất pha tiêm	Nước cất pha tiêm 5ml	Ống	5ml	Tiêm	2.10	Dùng mới pha tiêm	893110297523	120000	433	433	Hộp 50 ống x 5ml	CTCP Dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	258/QĐ-SYT.G1.N4;2024	20240329	20251231
217	40.225	Spiramycin + metronidazol	Spiratad Plus	Viên	750.000IU + 125mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893115097124	26000	1990	1990	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH liên doanh Stentipnam - Chi nhánh CTCP liên doanh Stentipnam - Chi nhánh CTCP	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Gia Linh	258/QĐ-SYT.G1.N2;2024	20240329	20251231
218	40.519	Nifedipin	Nifedipin T20 retard	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	893110462724	180000	650	650	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH liên doanh Stentipnam - Chi nhánh CTCP liên doanh Stentipnam - Chi nhánh CTCP	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Gia Linh	258/QĐ-SYT.G1.N2;2024	20240329	20251231
219	40.989	Bromhexin hydrochlorid	Agli-Bromhexine 16	Viên	16mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893110200724	0	630	630	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Chi nhánh CTCP Dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy SX dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Tân An	258/QĐ-SYT.G1.N4;2024	20240805	
220	40.225	Spiramycin + metronidazol	Spiratad Plus	Viên	750.000IU + 125mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893115097124	0	1990	1990	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH liên doanh Stentipnam - Chi nhánh CTCP liên doanh Stentipnam - Chi nhánh CTCP	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Gia Linh	258/QĐ-SYT.G1.N2;2024	20240805	
221	40.519	Nifedipin	Nifedipin T20 retard	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	893110462724	0	650	650	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH liên doanh Stentipnam - Chi nhánh CTCP liên doanh Stentipnam - Chi nhánh CTCP	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Gia Linh	258/QĐ-SYT.G1.N2;2024	20240805	
222	40.519	Nifedipin	Nifedipin T20 retard	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	893110462724	580200	650	650	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH liên doanh Stentipnam - Chi nhánh CTCP liên doanh Stentipnam - Chi nhánh CTCP	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Gia Linh	258/QĐ-SYT.G1.N2;2024	20240805	
223	40.227	Ciprofloxacin	Ciprobid	Túi	400mg	Tiêm	2.10	Dùng dịch truyền tĩnh mạch	VN-20638-18	580	51030	51030	Hộp 10 túi nhôm x 1 túi truyền	S.C. Infomed Fluids S.R.L	Rumania	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U.N.T VIỆT NAM	60/QĐ-TTMS.G1.N2;2022	20220819	
224	20.20.273	Dolutegravir + Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 500/300/300mg	Dolutegravir, Lamivudine and Tenofovir disoproxil fumarate tablets 500/300/300mg	Viên	50mg, 300mg, 300mg	uống	1.01	Viên nén bao phim	890110445523	55170	2651	2651	Hộp 1 lọ HDPE 30 viên	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	46/QĐ-TTMS.G1.N5;2024	20240821	
225	40.306	Metronidazol	Trichopol	Túi	500mg/100ml	Tiêm	2.10	Dùng dịch truyền tĩnh mạch	VN-18045-14	1200	16800	16800	1 túi 100ml	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Poland	Công ty cổ phần Dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội	258/QĐ-SYT.G1.N1;2024	20240329	20251231
226	40.1007	Maigresu aspartat + kalcium	Diparat	Ống	140mg + 158mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110221924	0	966	966	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH MTV Dược phẩm TSO	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Stabled	258/QĐ-SYT.G1.N4;2024	20240906	20251231
227	40.16	Morphin hydrochlorid	Morphin (Morphin hydrochlorid 10mg/ml)	Ống	10mg/ml x 1ml	Tiêm	2.10	Dùng dịch tiêm	893111093823	0	4500	4500	Hộp 25 ống x 1ml	Chi nhánh CTCP Dược phẩm Trung ương Vidapha Bình Dương	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	258/QĐ-SYT.G1.N4;2024	20240822	20251231
228	40.989	Bromhexin hydrochlorid	Agli - Bromhexine 4	Viên	4mg	Uống	1.01	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-29647-18	0	348	348	Hộp 3 vỉ x 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	CN Công ty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Việt Nam	Công ty cổ phần thương mại và dược phẩm Hoàng Lan	169/QĐ-SYT.G1.N4;2022	20220304	20240304
229	20.20.273	Dolutegravir + Lamivudine, Tenofovir disoproxil fumarate, Lamivudine,	Acritega	Viên	300mg,300mg, 50mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	890110087023	1320	3178	3178	Hộp 1 chai x 30 viên	Mylan Laboratories Limited - India	Ấn Độ	Công ty TNHH Dược phẩm MedX	1638/QĐ-BYT.G1.N5;2024	20240614	
230	40.519	Nifedipin	Cordaflex	Viên	20mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim gói phong bì	VN-23124-22	0	1260	1260	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Egis Pharmaceuticals Plc	Hungary	Công ty TNHH Dược phẩm U.N.I Việt Nam	258/QĐ-SYT.G1.N1;2024	20240329	20251231
231	40.480	Nicorandil	Pecrandil 5	Viên	5mg	Uống	1.01	Viên nén	893110436024	90000	1953	1953	Hộp 6 vỉ x 10 viên	CTCP Dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Stabled	258/QĐ-SYT.G1.N4;2024	20241018	20251231
232	40.86	Adrenalin	Adrenalin	Ống	1mg/1ml	Tiêm	2.10	Dùng dịch tiêm	893110172024	290	1197	1197	Hộp 5 vỉ x 10 ống x 1ml	CTCP Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược Bắc Kan	258/QĐ-SYT.G1.N4;2024	20241018	20251231
233	40.523	Quinapril	Pectaril 10mg	Viên	10mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893110884824	75000	1995	1995	Hộp 6 vỉ x 10 viên	CTCP Dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Tân An	258/QĐ-SYT.G1.N4;2024	20241018	20251231
234	40.158	Ampicilin + sulbactam	Sentiram 1g/0,5g	Lo	1g + 0,5g	Tiêm	2.10	Thuốc bột pha tiêm	893110391224	0	24000	24000	Hộp 10 lọ	CTCP Dược phẩm Minh Dien	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Dien	258/QĐ-SYT.G1.N4;2024	20241030	20251231
235	40.212	Metronidazol	Metronidazol 250mg	Viên	250mg	Uống	1.01	Viên nén	893115966024	0	135	135	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CTCP Dược phẩm Minh Dien	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Dien	258/QĐ-SYT.G1.N4;2024	20241030	20251231
236	40.242	Ceftriaxon	Ceftriaxonol 480mg	Viên	400mg + 80mg	Uống	1.01	Viên nén	893110159324	0	219	219	Hộp 20 vỉ x 20 viên	CTCP Dược phẩm Minh Dien	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Dien	258/QĐ-SYT.G1.N4;2024	20241030	20251231
237	40.260	Aciclovir	Aciclovir 200mg	Viên	200mg	Uống	1.01	Viên nén	893110065324	0	404	404	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CTCP Dược phẩm Minh Dien	Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Dien	258/QĐ-SYT.G1.N4;2024	20241030	20251231
238	40.227	Ciprofloxacin	Cifga	Viên	500mg	Uống	1.01	Viên nén	VD-20549-14	0	889	889	Hộp 2 vỉ x 10 viên	CTCP Dược Hậu Giang Việt Nam	Việt Nam	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	91/QĐ-TTMS.G1.N2;2023	20230914	20240930
239	40.166	Cefazolin	Zollifast 1000	Lo	1000mg	Tiêm	2.10	Thuốc bột pha tiêm	VD-23021-15	0	17388	17388	Hộp 10 lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyl	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ	86/QĐ-TTMS.G1.N2;2024	20241119	
240	40.166	Cefazolin	Zollifast 1000	Lo	1000mg	Tiêm	2.10	Thuốc bột pha tiêm	893110071224	7500	17388	17388	Hộp 10 lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyl	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ	86/QĐ-TTMS.G1.N2;2024	20241119	
241	40.220	Clarithromycin	Clabact 500	viên	500mg	uống	1.01	viên nén bao phim	VD-27561-17	16000	3745	3745	hộp 2 vỉ x 10 viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DIỆU tư Hậu Giang	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	86/QĐ-TTMS.G1.N2;2024	20241120	
242	40.576	Pracetam	Pracetam 800	viên	800mg	uống	1.01	Viên nén bao phim	893110697724	48000	1225	1225	Hộp 6 vỉ x 15 viên	Chi nhánh CTCP liên doanh Stentipnam - Chi nhánh CTCP	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GIA LINH	86/QĐ-TTMS.G1.N1;2024	20241120	
243	40.576	Pracetam	Pracetam 800	viên	800mg	uống	1.01	Viên nén bao phim	VD-18538-13	0	1225	1225	Hộp 6 vỉ x 15 viên	Chi nhánh CTCP liên doanh Stentipnam - Chi nhánh CTCP	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GIA LINH	86/QĐ-TTMS.G1.N1;2024	20241120	
244	40.678	Esomeprazol (dạng dung dịch)	Esomeprazol (dạng dung dịch)	Lo	40mg	Tiêm	2.10	Thuốc bột đông khô pha dung dịch tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch	VN-19597-16	800	15900	15900	Hộp 1 lọ	Nagard Life Sciences Pvt. Ltd.	India	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	86/QĐ-TTMS.G1.N2;2024	20241120	
245	40.679	Pantoprazol (dạng dung dịch)	Ulceron	Lo	40mg	Tiêm	2.10	Bột đông khô pha tiêm	520110070823	800	68040	68040	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ, hộp 25 lọ	Autam Hellas S.A	Greece	CÔNG TY CỔ PHẦN TMDV THẮNG LÔNG	86/QĐ-TTMS.G1.N1;2024	20241122	
246	40.679	Pantoprazol (dạng dung dịch)	Ulceron	Lo	40mg	Tiêm	2.10	Bột đông khô pha tiêm	VN-20256-17	0	68040	68040	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ, hộp 25 lọ	Autam Hellas S.A	Greece	CÔNG TY CỔ PHẦN TMDV THẮNG LÔNG	86/QĐ-TTMS.G1.N1;2024	20241122	
247	40.179	Cefazolin sodium (dạng dung dịch)	Tenamyl - Cefazidime 1000	Lo	1000mg	tiêm/truyền	2.10	Thuốc bột pha tiêm	VD-19447-13	12000	19488	19488	Hộp 10 lọ	Công ty cổ phần dược phẩm Tenamyl	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN VỊ ANH PHARMA	86/QĐ-TTMS.G1.N1;2024	20241119	
248	40.41	Meloxicam	Coaxis	Viên	7,5mg	uống	1.01	Viên nén	VD-31633-19	15000	154	154	Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	86/QĐ-TTMS.G1.N2;2024	20241120	
249	40.1050	Vitamin B1 + B6 + B12	Vitamin 3B-PV	Viên	100mg + 50mg + 0,5mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893100712724	26000	1150	1150	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CTCP Dược Phúc Vinh	Việt Nam	Công ty cổ phần Thương mại DH Việt Nam	258/QĐ-SYT.G1.N4;2024	20240329	20251231
250	40.990	Carbocistein	Aumacro 750V	Viên	750mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893100847024	32000	2449	2449	Hộp 2 vỉ x 10 viên	CTCP Dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Stabled	258/QĐ-SYT.G1.N4;2024	20240329	20251231
251	40.701	Atigluclon inj	Atigluclon inj	Ống	40mg + 0,04mg; 4ml	Tiêm	2.10	Dùng dịch tiêm	893110202724	5400	28000	28000	Hộp 5 ống, 10 ống, 20 ống x 4ml	CTCP Dược phẩm An Thuận	Việt Nam	Công ty cổ phần TMDV Thăng Long	258/QĐ-SYT.G1.N4;2024	20240329	20251231
252	40.203	Néonijicin + polyijisicil 15 + 150mg	Mepoly	Lo	150mg + 15.000IU + 15.000IU	Nhỏ tai	6.04	Dùng dịch nhỏ tai	893110420024	800	37000	37000	Hộp 1 lọ 10ml	CTCP Tập đoàn Merap	Việt Nam	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	258/QĐ-SYT.G1.N4;2024	20240329	20251231
253	40.990	Carbocistein	Aumacro 750V	Viên	750mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893100847024	0	2449	2449	Hộp 2 vỉ x 10 viên	CTCP Dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Stabled	258/QĐ-SYT.G1.N4;2024	20241226	
254	40.1050	Vitamin B1 + B6 + B12	Vitamin 3B-PV	Viên	100mg + 50mg + 0,5mg	Uống	1.01	Viên nang cứng	893100712724	0	1150	1150	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CTCP Dược Phúc Vinh	Việt Nam	Công ty cổ phần Thương mại DH Việt Nam	258/QĐ-SYT.G1.N4;2024	20241226	
255	40.701	Atigluclon inj	Atigluclon inj	Ống	40mg + 0,04mg; 4ml	Tiêm	2.10	Dùng dịch tiêm	893110202724	0	28000	28000	Hộp 5 ống, 10 ống, 20 ống x 4ml	CTCP Dược phẩm An Thuận	Việt Nam	Công ty cổ phần TMDV Thăng Long	258/QĐ-SYT.G1.N4;2024	20241226	
256	40.701	Atigluclon inj	Atigluclon inj	Ống	40mg + 0,04mg; 4ml	Tiêm	2.10	Dùng dịch tiêm	893110202724	0	28000	28000	Hộp 5 ống, 10 ống, 20 ống x 4ml	CTCP Dược phẩm An Thuận	Việt Nam	Công ty cổ phần TMDV Thăng Long	258/QĐ-SYT.G1.N4;2024	20241226	
257	40.990	Carbocistein	Aumacro 750V	Viên	750mg	Uống	1.01	Viên nén bao phim	893100847024	0	2449	2449	Hộp 2 vỉ x 10 viên	CTCP Dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Công ty TNHH Dược phẩm Stabled	258/QĐ-SYT.G1.N4;2024	20241226	